

Số: **86** /BC - BKTXH

Pleiku, ngày 09 tháng 7 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả giám sát “Việc chi trả chế độ chính sách trong 2 năm 2018-2019” phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Pleiku.

Thực hiện Quyết định số 64/QĐ - HĐND ngày 16/6/2020 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND thành phố về việc thành lập Đoàn giám sát “Việc chi trả chế độ chính sách trong 2 năm 2018-2019” phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Pleiku; Ban Kinh tế-xã hội báo cáo kết quả cụ thể như sau.

I. KẾT QUẢ GIÁM SÁT

* *Thực hiện các văn bản của Trung ương, Tỉnh, Thành phố và quá trình triển khai của Phòng về chi trả chế độ chính sách.*

+ Các văn bản của Trung ương, Tỉnh:

- Quyết định 62/2011/QĐ-TTg; Nghị định số 28/2012/NĐ-CP; Nghị định số 136/2013/ND-CP.

- Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai, Công văn số 2751/UBND-KGVX ngày 06/12/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện chi trả trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng qua hệ thống bưu điện.

- Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020.

- Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của UBND tỉnh.

- Công văn số 726/LĐT BXH-TC-BĐ về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 01/7/2016 của UBND tỉnh.

+ Thực hiện các Quyết định, Kế hoạch của UBND thành phố:

- Quyết định số 2513/QĐ-UBND ngày 12/12/2019 về việc phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019 trên địa bàn thành phố Pleiku.

- Kế hoạch số 841/KH-UBND ngày 22/5/2018; Kế hoạch số 419/KH-UBND ngày 16/3/2018 về thực hiện công tác giảm nghèo năm 2018; Kế hoạch số 1381/KH-UBND ngày 01/7/2019; Kế hoạch số 630/KH-UBND ngày 04/4/2019 về thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững năm 2019; Kế hoạch số 1381/KH-UBND ngày 01/7/2019 về đối thoại về thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững năm 2019; Kế hoạch số 2039/KH-UBND ngày 09/9/2019 về tổ chức điều tra rà soát hộ nghèo hộ cận nghèo trên địa bàn hành phố Pleiku.

+ Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai thực hiện:

- Tháng 01/7/2016; Tham mưu UBND thành phố phối hợp với Bưu điện thành phố triển khai thực hiện chi trả trợ cấp hàng tháng cho tất cả đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp tại cộng đồng, người có công qua hệ thống Bưu điện trên địa bàn thành phố.

- Lập danh sách, phát hành, chuyển sang Bưu điện thành phố để kiểm tra, thực hiện chi trả.

- Lập thủ tục chuyển tiền trước cho Bưu điện thành phố từ 03 – 05 ngày so với lịch chi trả; Bưu điện thực hiện chi trả và báo cáo thanh quyết toán danh sách chi trả, xác nhận danh sách đối tượng đã nhận tiền và danh sách đối tượng chưa nhận tiền về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

1. Chính sách người có công và thân nhân người có công:

a. Năm 2018, người có công đầu năm là 2.564, đã thực hiện chi trả đến cuối năm cho 2.589 đối tượng với tổng số tiền 48.119.777.000 đồng, cụ thể như sau:

- Đối tượng người hoạt động cách mạng từ trước 01/1/1945 đã thực hiện chi trả cho 04 người với số tiền 134.576.000 đồng.

- Đối tượng người hoạt động cách mạng từ trước 01/1/1945 đến trước tiền khởi nghĩa đã thực hiện chi trả cho 11 người với số tiền 207.877.000 đồng.

- Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong kháng chiến đã thực hiện chi trả cho 10 người với số tiền 481.640.000 đồng.

- Đồng thời chi trả (Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; thương binh loại B; bệnh binh; người phục vụ; người có công giúp đỡ cách mạng; người hoạt động kháng chiến và con đẻ bị nhiễm chất độc hóa học; trợ cấp tiền tuất; người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày; quân nhân xuất ngũ; công an xuất ngũ; đối tượng theo quyết định 62/2011/QĐ-TTg) với tổng số tiền là: 47.295.684.000 đồng.

b. Năm 2019 người có công đầu năm là 2.589, đã thực hiện chi trả đến cuối năm cho 2.517 đối tượng với tổng số tiền: 50.131.949.000 đồng, cụ thể như sau:

- Đối tượng người hoạt động cách mạng từ trước 01/1/1945 đã thực hiện chi trả cho 4 người với số tiền 140.488.000 đồng.

- Đối tượng người hoạt động cách mạng từ trước 01/1/1945 đến trước tiền khởi nghĩa đã thực hiện chi trả cho 9 người với số tiền 177.345.000 đồng.

- Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong kháng chiến đã thực hiện chi trả cho 9 người với số tiền 431.328.000 đồng.

- Đồng thời chi trả (Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; thương binh loại B; bệnh binh; người phục vụ; người có công giúp đỡ cách mạng; người hoạt động kháng chiến và con đẻ bị nhiễm chất độc hóa học; trợ cấp tiền tuất; người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt, tù đày; quân nhân xuất ngũ; công an xuất ngũ; đối tượng theo quyết định 62/2011/QĐ-TTg) với tổng số tiền là: 49.382.788.000 đồng.

2. Chính sách bảo trợ xã hội

a. Năm 2018, đối tượng bảo trợ xã hội đầu năm là 4.796, đã thực hiện chi trả đến cuối năm cho 5.205 đối tượng với tổng số tiền: 28.543.138.000 đồng.

- Đối tượng trẻ em đã thực hiện chi trả cho 21 người với số tiền 110.656.000 đồng.

- Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi: Thực hiện chi trả cho 7 người với số tiền 34.020.000 đồng (Nghị định số 136/2013/NĐ-CP).

- Người thuộc hộ nghèo không có chồng hoặc không có vợ; có chồng hoặc vợ đã chết: đã thực hiện chi trả cho 11 người với số tiền 79.380.000 đồng.

- Người cao tuổi: Đã thực hiện chi trả cho 3.003 người với số tiền 10.149.945.000 đồng.

- Đối tượng người khuyết tật: Đã thực hiện chi trả cho 1.772 người với số tiền 10.586.700.000 đồng.

- Nuôi dưỡng trong cơ sở bảo trợ xã hội: Đã thực hiện chi trả cho 70 người với số tiền 1.121.040.000 đồng.

a. Năm 2019, đối tượng bảo trợ xã hội đầu năm là 5.205, đã thực hiện chi trả đến cuối năm cho 5.689 đối tượng với tổng số tiền: 29.087.540.000 đồng.

- Đối tượng trẻ em đã thực hiện chi trả cho 22 người với số tiền 110.970.000 đồng.

- Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi: Thực hiện chi trả cho 8 người với số tiền 37.260.000 đồng (Nghị định số 136/2013/ND-CP).

- Người thuộc hộ nghèo không có chồng hoặc không có vợ; có chồng hoặc vợ đã chết: đã thực hiện chi trả cho 9 người với số tiền 55.080.000 đồng.

- Người cao tuổi: Đã thực hiện chi trả cho 3.320 người với số tiền 10.567.485.000 đồng.

- Đối tượng người khuyết tật: Đã thực hiện chi trả cho 1.903 người với số tiền 10.971.315.000 đồng.

- Nuôi dưỡng trong cơ sở bảo trợ xã hội: Đã thực hiện chi trả cho 67 người với số tiền 886.140.000 đồng.

3. Chính sách giảm nghèo

Năm 2018:

Tổng số hộ nghèo là: 588 hộ, thoát nghèo: 208 hộ, phát sinh trong năm: 56 hộ - đến cuối năm 2018 còn 436 hộ nghèo; quá trình thực hiện cụ thể như sau:

- Tạo điều kiện cho 764 hộ nghèo, 473 hộ cận nghèo thiếu vốn sản xuất vay 34.098.000.000 đồng.

- Hỗ trợ tiền điện cho 1.744 lượt hộ nghèo với tổng kinh phí là 257.593.000 đồng.

- Phối hợp Bảo hiểm xã hội tỉnh hỗ trợ cho 3.970 người thuộc hộ nghèo, cận nghèo mua bảo hiểm y tế.

- Đồng thời: Hỗ trợ khó khăn trong dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018; phối hợp với phòng Kinh tế triển khai mô hình nuôi bò cái sinh sản lai ZeBu, mô hình nuôi heo thịt địa phương, mô hình trồng cây ăn quả, cải tạo vườn tạp với tổng nguồn vốn thực hiện: 1.873.397.000 đồng; tiếp nhận gạo cứu đói giáp hạt năm 2018: 42.525 kg cho 2.835 khẩu thuộc hộ nghèo, cận nghèo; vận động xây nhà cho hộ nghèo từ quỹ vì người nghèo, ủng hộ của doanh nghiệp,... được 18 nhà.

Năm 2019:

Tổng số hộ nghèo là: 436 hộ, thoát nghèo: 174 hộ, phát sinh trong năm: 44 hộ - đến cuối năm 2019 còn 306 hộ nghèo; quá trình thực hiện cụ thể như sau:

- Tạo điều kiện cho 497 hộ nghèo, 368 hộ cận nghèo thiếu vốn sản xuất vay 24.329.000.000 đồng.

- Hỗ trợ tiền điện cho 1.493 lượt hộ nghèo với tổng kinh phí là 219.716.000 đồng.

- Lập danh sách, phối hợp Bảo hiểm xã hội tỉnh hỗ trợ cho 3.260 người thuộc hộ nghèo, cận nghèo mua bảo hiểm y tế;

- Đồng thời: Hỗ trợ khó khăn trong dịp Tết Nguyên đán Mậu Tuất năm 2018; phối hợp với phòng Kinh tế triển khai mô hình nuôi bò cái sinh sản với tổng nguồn vốn thực hiện: 726.400.000 đồng; tiếp nhận gạo cứu đói giáp hạt năm 2018: 42.525

